

Số: 13/2022/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 23 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 2628/TTr-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2022; đồng thời, bãi bỏ Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VP,(CTHD.08b), Duyên.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
*(Kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có sử dụng kinh phí Chương trình (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và các địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án: Tối đa 15% cho cơ quan chuyên môn chủ trì dự án; tối thiểu 85% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = ĐV_i$.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: Tối đa 2% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiêu dự án; tối thiểu 98% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

\mathbb{D}_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = \mathbb{D}V_i$.

$\mathbb{D}V_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 10% cho cơ quan chuyên môn chủ trì dự án hoặc tiểu dự án; tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	Hệ số
Dưới 8%	0,5
Từ 8% đến dưới 16%	1,0
Từ 16% trở lên	1,6

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương.

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = \mathbb{D}V_i$.

$\mathbb{D}V_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

a) Đối với vốn sự nghiệp: Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tối đa 60% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiểu dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện.

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	Hệ số
Dưới 300 người/năm	0,2
Từ 300 người/năm đến dưới 600.000 người/năm	0,5
Từ 600.000 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án 100% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiểu dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện.

Huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	Hệ số
Dưới 40.000 người	0,8
Từ 40.000 người đến dưới 80.000 người	1,7
Từ 80.000 người trở lên	2,5

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện căn cứ vào số liệu báo cáo năm 2020 của Cục thống kê.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiểu dự án; tối thiểu 70% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = \Delta V_i$.

ΔV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 35% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiểu dự án; tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = ĐV_i$

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 25% cho cơ quan chuyên môn chủ trì tiểu dự án; tối thiểu 75% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 5,2%	0,2
Từ 5,2% đến dưới 10,4%	0,5
Từ 10,4% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.600 hộ	0,3
Từ 1.600 hộ đến dưới 3.300 hộ	0,6
Từ 3.300 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 6 xã	0,7
Từ 6 đến dưới 12 xã	1,3
Từ 12 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = ĐV_i$

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 7.

Điều 10. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

Ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn lực của các cấp ngân sách trong kế hoạch 05 năm và hàng năm phù hợp, đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định.